

Phẩm 8: TU ĐA LA (Phần 1)

Lời của bậc Nhất thiết trí nói ra nghĩa thật sâu xa, mầu nhiệm.
Còn lại bao nhiêu nghĩa đó, nay ta sẽ nói.

*Lời Nhất thiết trí nói
Ý nghĩa rất sâu xa
Nay tôi nói ít phần
Tu-đa-la, hãy nghe.*

Hỏi: Như Phật nói ba cõi, ba cõi đó là gì?

Đáp:

*Cõi Dục, mười chỗ trú
Cõi Sắc nói mười bảy
Cõi Vô Sắc có bốn
Quyết định chỉ hữu ấy.*

Cõi Dục mười chỗ trú đó là: Địa ngục, súc sinh, nạ quỷ, người và sáu tầng trời cõi Dục. Chủng loại của mười chỗ cư trú này, phải biết gọi là cõi Dục. Chúng sinh này, có tướng dục chuyển biến, hoặc chỗ này có đầy đủ tất cả ái dục tương ứng nên gọi là cõi Dục.

Cõi Sắc nói mười bảy: Phạm Thân, Phạm Phú Lô, Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Diệu, Thiếu tịnh, Vô Lượng tịnh, Biến tịnh, Vô Âm, Phước Sinh, Đại Quả, Chúng Sinh Vô Tướng, Bất Quảng, Bất Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh. Mười bảy chỗ cư trú này, được gọi là cõi Sắc. Tướng dục của chúng sinh cư trú ở đây, đều không chuyển. Cõi Sắc rộng lớn đó, không có tướng nam, nữ, nên nói là cõi Sắc.

Cõi Vô Sắc có bốn, nghĩa là cõi Vô Sắc có bốn nơi cư trú: Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong chỗ cư trú này, sắc không sinh. Vì sao? Vì lìa sắc dục. Lại vì theo trình tự diệt, nếu trong Vô Sắc sinh ra sắc thì sẽ không có sự diệt mất theo trình tự. Nhưng vẫn có trình tự tắt mất, nếu không sẽ có lỗi sinh dục trong cõi Sắc. Vì vậy, trong Vô Sắc, không sinh ra sắc, nên nói là Vô Sắc.

Hỏi: Như Phật nói ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Hữu này là thế nào?

Đáp: Quyết định chỉ hữu ấy. Trước đã nói về cõi, ở đây chính là hữu.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ, thức đó ra sao?

Đáp:

*Nẻo thiện là cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Vô Sắc cũng ba địa
Phải biết là thức trụ.*

Trong số nẻo thiện của cõi Dục, đó là Trời, người và ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc; bảy địa này được gọi là chỗ thức trụ.

Hỏi: Vì sao ba đường ác và Hữu đảnh của thiên thứ tư không gọi là Thức trụ?

Đáp: Nếu địa, là do kiến đạo đoạn, do tu đạo đoạn, nếu không đoạn mà sinh thức thì địa đó gọi là thức trụ. Trong ba đường ác thì không gì không là sự đoạn. Chúng sinh vô tướng trong thiên thứ tư và trời Tịnh Cư thì không có việc do thấy mà đoạn. Cho nên không thuộc thiên thứ tư. Hữu đảnh hoàn toàn là hữu lậu, nếu thức ưa trụ, thì mới gọi là thức trụ. Thức không ưa trụ trong ba đường ác. Vì sao? Vì bị khổ bức bách. Vì trời Tịnh cư hướng về Niết-bàn, nên thức không ưa trụ. Chúng sinh Vô Tướng cũng hoàn toàn không có tâm, nên không thuộc về thiên thứ tư. Hành của Hữu đảnh không lanh lợi, nhậy bén, nên cũng không thuộc Hữu đảnh. Ba thứ chúng sinh hoặc ưa thú vui cảnh giới, ưa thích tư tưởng vui sướng. Trong số đó, chúng sinh của cảnh giới vui kia và các vị trời cõi Dục. Ưa thích tư tưởng yên vui của địa Tam thiên, ba Vô Sắc. Vì vậy, nên các trời đó được gọi là thức trụ.

Hỏi: Nơi cư ngụ của chín loại chúng sinh là thế nào?

Đáp:

*Hữu đảnh và Vô tướng
Là nơi chúng sinh ở
Bốn thứ ấm hữu lậu
Nên biết chỗ thức trụ.*

Hữu đảnh và Vô tướng là nơi cư trú của chúng sinh, nghĩa là trước đây đã nói bảy thức trụ và Hữu đảnh trời Vô tướng, ở đây là nói chỗ cư trú của chín loài chúng sinh.

Hỏi: Vì sao ngoài chúng sinh ở đường ác và cõi trời Vô tướng, thì Tứ thiên không gọi là nơi chúng sinh cư trú?

Đáp: Vì tùy theo nơi nào vui, thì ở mãi không muốn đi, chỗ đó gọi là nơi chúng sinh cư trú. Trong đường ác, không có hai chỗ cư trú này. Ở cõi trời Quảng Quả, tuy ưa muốn trụ, nhưng cũng muốn bỏ đi.

Hỏi: Như Phật nói bốn thức trụ, thức trụ đó là thế nào?

Đáp: Bốn thứ ấm hữu lậu, phải biết đó là chỗ ở của thức hữu lậu.

Sắc, thọ, tướng, hành, hữu lậu, gọi là ấm, được gọi là thức trụ. Vì chấp nhận cùng có thức sanh, trụ vào chấp trước, nuôi lớn, nên gọi là thức trụ. Chính vì vậy, nên vô lậu không phải thức trụ. Vì vô lậu làm hư hoại hữu, nên nó cũng không giữ lấy trụ xứ của thức hòa hợp.

Hỏi: Vì sao thức không phải là nơi cư trú của thức?

Đáp: Vì là nhân. Do đó không thành. Như nói đạo của vua, thì vua không phải là đạo. Không có câu sinh thức của phần trụ, gọi là trụ xứ. Ba hòa hợp gọi là trụ xứ, thức này không phải như vậy.

Hỏi: Không có thức của người khác, hiện tiền duyên chăng?

Đáp: Vì tự hòa hợp không sinh, nên thức khác cũng không thành tựu; thức kia, cũng là số chúng sinh, không phải số chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là việc làm ở trụ xứ của thức bên ngoài?

Đáp: Hòa hợp câu sinh, phần nhiều nương duyên mà trụ nên không có lỗi. Thức kia cũng duyên trụ, địa, giới thuộc phần của thức ấy, không phải địa, giới thuộc phần người khác.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói mười hai duyên khởi, duyên khởi đó có tướng gì?

Đáp:

Các phiền não và nghiệp

Có việc thứ lớp sinh

Nên biết là hữu chi

Chúng sinh tất cả sinh.

Vô minh, ái, thủ là phiền não, hành và hữu là nghiệp, chi khác là việc. Như vậy, sự, nghiệp, phiền não này, trong đây sanh theo trình tự khởi, nên gọi là chi duyên khởi. Phiền não trong chi đó, dựa vào sự việc, phiền não tác động nghiệp, nghiệp tác động đến sự việc. Như vậy, không có vô thủ mà có luân chuyển.

Các phần kia kiến lập

Là chúng sinh thọ sinh

Quá khứ và vị lai

Trung gian nên biết tám.

Các phần kia kiến lập, là chúng sinh thọ sinh: Nghĩa là sự khác nhau của phần này, gọi là mười hai chi.

Hỏi: Mười hai chi này là thế nào?

Đáp: Quá khứ, vị lai, trung gian, phải biết là có tám. Trong đó, vô minh là phiền não quá khứ, hành là nghiệp quá khứ, thức là tâm nối nhau và bà con, danh sắc là đã thọ sinh nối tiếp nhau, chuyển biến liên tục không dứt. Bốn chủng loại sắc căn chưa sinh, sáu nhập chưa đủ, đó

gọi là danh sắc.

Sáu nhập là đã sinh bốn thứ sắc căn, nhưng chưa có thể, vì sự tiếp xúc mà làm nơi nương dựa, lúc này gọi là sáu nhập.

Xúc: Các căn này đã có khả năng, vì sự tiếp xúc mà làm nơi nương dựa, chưa có thể phân biệt khổ, vui, không thể phân biệt lợi, suy, lúc này gọi là xúc.

Thọ là năng phân biệt nhân khổ, vui, lợi suy, biết phân biệt khác nhau về cái ăn, sự tiếp nhận, không dấy lên sự dâm dục, lúc này gọi là thọ.

Ái là đối với mọi ham muốn, ái tìm cầu sự ham muốn, không thể mong cầu sự phân biệt, lúc này gọi là ái.

Thủ là chủ thể chấp có phân biệt.

Hữu là đây đối với cảnh giới kia, tìm đi tới một cách nhanh chóng, sinh nhiều các hữu, thú sinh đương lai, lúc này gọi là hữu.

Sinh là thứ lớp kia chết là sự ràng buộc nối nhau, lúc này gọi là sinh.

Già chết: Nghĩa là tiếp theo là danh sắc, thọ, v.v..., đó gọi là sự già, chết.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu giới, sáu giới này là thế nào?

Đáp:

*Cái gọi bốn đại chủng
Và các thức hữu lậu
Cũng sắc trung gian thấy
Giới này là gốc sinh.*

Cái gọi là bốn đại chủng và các thức hữu lậu, cũng là sắc trung gian thấy nghĩa là bốn đại và năm thức thân, ý thức hữu lậu. Nếu sắc là số hư không mà mắt đã nhận lấy, đấy gọi là sáu giới.

Hỏi: Vì sao trong mười tám giới chỉ nói sáu giới?

Đáp: Vì giới này được gọi là gốc sinh. Pháp kia là gốc của sự sinh, tướng tượng phu trong đây do đất thành lập, nước hòa hợp theo tánh chất thấm nhuần, ngâm tẩm, lửa nấu chín, tẩy trừ mùi thối rửa, gió lùa vào lỗ hồng trong hư không, ăn uống vào ra tương ưng với sức của thức, kiến lập được gọi là tướng của tượng phu. Thế nên, đây gọi là tướng của giới. Vì sao? Vì có tánh của sự sinh. Như Thế Tôn nói: Do nhân duyên sáu giới mà nhập thai mẹ, câu trong kinh nói như vậy. Các đại chủng cũng sinh, nên gọi là Đại sinh giống như Đại; như chúng sinh giống như Đại sinh.

Trong đây đất là tướng cứng chắc, nước là tướng ẩm ướt, lửa là

tướng nóng, gió là tướng chao động nhẹ nhàng. Biên hạn của sắc, tiếp nhận tướng sắc, gọi là giới hư không. Sắc là việc khác với suy nghĩ. Thức là tướng hiểu rõ.

Hỏi: Thánh đế có tướng gì?

Đáp:

Quả tương tự các hành

Hữu lậu gọi là khổ

Nhân tương tự là tập

Diệt đế các khổ dứt.

Quả tương tự các hành, hữu lậu gọi là khổ, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ nhân sinh ra tướng bức bách, khổ não, nên gọi là khổ. Nhân tương tự tập này: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều tương tự với nhân của cái khác, nên do đó gọi là khổ, tập. Như một hạt lúa, đối chiếu trước sau mà nói là nhân cũng là quả.

Như vậy, quán các hành hữu lậu đã sinh, sẽ sinh thì cũng gọi là khổ, gọi là tập.

Diệt đế, các khổ đều dứt, nghĩa là tất cả hành hữu lậu, đều hoàn toàn dứt hết, nên nói là diệt đế.

Nếu các hành vô lậu

Đây gọi là đạo đế

Vì hai thứ danh kia

Từ thô thứ lớp thấy.

Nếu các hành vô lậu, ấy gọi là đạo đế, nghĩa là tất cả hành vô lậu đều gọi là đạo đế, vì tất cả khổ đã hết, nên gọi là Đạo.

Hỏi: Vì sao gọi là đế?

Đáp: Vì hai thứ danh kia, vì hai việc nên gọi là đế, đó là tự tướng không giả dối và nhận thấy sự sinh kia là không điên đảo, là chánh giác.

Hỏi: Vì sao Hư không, phi số diệt, không thuộc về đế?

Đáp: Vì không phải nhân, quả. Vì quán sát dứt hết khổ nên quán sát Thánh đế. Hư không phi số diệt không phải khổ, nhân khổ, không phải phương tiện lìa khổ, nhưng vì muốn dứt hết khổ cho nên quán sát. Ví như bệnh, nguyên nhân gây bệnh, thuốc chữa bệnh thì bệnh lành, không giống như phải quán sát bệnh.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa gì?

Đáp: Thánh nghĩa là đã giác ngộ như thật, rồi chỉ bày cho kẻ khác, nên gọi là Thánh đế. Tướng bức bách trong đây là khổ, tướng sinh là tập, tướng vắng lặng là diệt, tướng ra khỏi là đạo.

Hỏi: Như thấy nhân có quả, vì sao Đức Phật trước nói quả, sau nói nhân?

Đáp: Theo trình tự thấy từ thô. Như vậy, chỉ vì thấy không gián đoạn, v.v... nên Đức Thế Tôn trước nói hành của quả là trước bị khổ không gián đoạn v.v... sau mới nói nhân khổ, trước diệt, sau đạo. Vì sao? Vì trước biết quả rồi, sau mới tu đoạn nhân. Và trí phát sinh hành giả kia biết rõ tự tánh khổ không gián đoạn, về sau, vì dứt nhân khổ, nên trí quyết định phát sinh hiểu biết, đó là nhân của tai hại, lỗi lầm. Như vậy, hành giả kia, trước nhận thấy tướng diệt. Lúc đó, vì muốn chứng diệt, nên tu phương tiện phát sinh trí quyết định, nên trước nói quả. Như thế, trước thấy thô, sau thấy vi tế, khổ thì thô, tập thì vi tế, vì đặt ra sự tìm tòi, mong cầu, vì tin tưởng nên diệt thô còn đạo tinh tế. Thế nên, trước nói diệt, sau nói đạo. Như Tu-đa-la nói: Tỳ-kheo! Nên vì nói diệt là chỗ hướng đến. Vì diệt nên nói đạo, như thế, v.v... Cho nên, trước phải tìm diệt, sau mới tu đạo. Như đi đến một ngôi thành, thì trước phải tìm cho ra con đường, sau đó mới bước vào. Tất cả đều tin tưởng ở diệt, mà không tin tưởng ở đạo, là vì muốn được hiểu biết dễ dàng, nên theo trình tự từ thô mà nói.

Hỏi: Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn, vậy quả Sa-môn có bao nhiêu việc?

Đáp:

*Việc Thánh quả có sáu
Tối thắng ở chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai thứ dựa vị lai.*

Việc của quả Thánh có sáu, nghĩa là có sáu việc nói về quả của Sa-môn, đó là năm ấm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Quả Sa-môn nghĩa là gì?

Đáp: Thánh đạo nói Sa-môn, vì Sa-môn kia tinh tiến thành tựu, nên gọi là quả Sa-môn.

Hỏi: Đạo thế tục cũng do trượng phu tinh tiến mà được. Vậy trượng phu đó, có được quả Sa-môn hay chăng?

Đáp: Chỉ thấy được sự khác nhau của quả Thánh đạo.

Hỏi: Quả này là quả gì? Thuộc về địa nào?

Đáp: Tối thắng là ở chín địa, quả A-la-hán thuộc về chín địa: Thiên vị lai, thiên trung gian, bốn thiên và ba Vô sắc. Thứ ba ở sáu địa, là quả A-na-hàm thuộc về sáu địa ngoại trừ Vô sắc. Hai loại nương vào vị lai, là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thuộc về vị lai. Vì sao? Vì chưa

liạ dục.

Hỏi: Dấu vết có tướng gì?

Đáp:

*Các pháp tùy tín hành
Căn độn, không phiền não
Các pháp tùy pháp hành
Tướng nhanh không phiền não.*

Các pháp tùy tín hành, với căn cơ chậm lụt, không có phiền não, nghĩa là tự thân của người tùy tín hành là pháp vô lậu, thuộc về phần yếu kém. Nên biết chậm lụt thuộc tín hành kể cả tín giải thoát, thời giải thoát cũng thuộc về căn cơ yếu kém. Các pháp tùy pháp hành với tướng nhanh nhẹn không có phiền não. Vì tự thân của tùy pháp hành, là thuộc về pháp căn cơ nhạy bén, phải biết tướng nhanh nhẹn, thuộc về căn đó, kể cả kiến đạo và pháp bất thời giải thoát cũng thuộc về. Vì sao? Vì căn cơ nhạy bén.

*Trong thiền căn bản kia
Phải biết là đạo vui
Vì ít và khó được
Biết địa khác nói khổ.*

Phải biết là đạo vui, trong thiền căn bản kia, nghĩa là bốn thiền căn bản, nếu là căn cơ yếu kém và pháp căn cơ nhạy bén, phải biết đó là dấu vết của niềm vui. Vì là đạo đạt được chỉ, quán, v.v... nên vui hiện hành.

Vì ít và khó được, phải biết địa khác gọi là khổ, nghĩa là địa khác ấy là địa vô lậu, gồm nhiếp đạo, gọi là khổ, vì ít. Thiền vị lai, trung gian kia, ít đạo chỉ, quán ít vô lậu trong cõi Vô Sắc. Thiền vị lai khó được. Vì sao? Vì từ trước đến nay, thế gian chưa được, được thiền thì rất dễ tu. Tâm, tâm sở trung gian của thiền nhất địa, thiền trung gian, thì đoạn trừ sự hiện tiền, nghĩa là giác đoạn quán hiện ở trước thành tựu, như dùng thanh gỗ để chặt đứt thanh gỗ. Sự nhỏ nhặt của cõi Vô Sắc, rất khó thành tựu việc chuyển dứt năm ấm, bốn ấm chuyển hiện ở trước. Nỗi khó khăn của cõi Vô Sắc kia đúng là khó được, nên nói là khó, chứ không phải tự tánh Thánh đạo là khổ, không phải tương ứng với khổ thọ, vì trong đây đã kiến lập đạo thù thắng. Vì nghĩa vào thành Niết-bàn, nên gọi là nghĩa dấu vết.

Hỏi: Tịnh không hư hoại là thế nào?

Đáp:

Phật và pháp Thanh văn

*Giải thoát, cũng nhân khác
Với tịnh tín vô cầu
Giới Thánh nói quyết định.*

Phật và pháp Thanh văn, giải thoát cũng nhân khác, niềm tin thanh tịnh không nhớ, nghĩa là Nhất thiết chủng, Chánh giác trí, Bồ-đề là Phật. A-la-hán kia, gồm nhiếp công đức là pháp Phật. Phải biết, nếu kính tin vô lậu, Đối với Nhất thiết chủng v.v... thì gọi là đối với Phật có niềm tin thanh tịnh chẳng thể hủy hoại. Được người khác dạy dỗ, truyền trao mà quyết định gọi là Thanh văn. Nên biết, Học và Vô học đạt được pháp của Thanh văn. Đối với Thanh văn có niềm tin vô lậu, gọi là niềm tin thanh tịnh chẳng thể hủy hoại đối với Tăng. Hoặc đối với Niết bàn, nếu có niềm tin vô lậu, chuyển trong các pháp hữu vi khác, như tin Khổ đế, Tập đế, Vô lậu như thế, đối với công đức của Bồ tát, pháp của Học Vô học, Bích chi, Phật đều chẳng hủy hoại niềm tin vào đó. Trong Khổ Tập thì chánh tín thanh tịnh, trong Diệt Đạo thì tin tưởng mong cầu. Đó gọi là niềm tin thanh tịnh không thể hủy hoại đối với Pháp. Cùng với giới Vô lậu, Thánh đạo mà sinh niềm tin thanh tịnh không thể hủy hoại thứ tư.

Sao gọi là không hư hoại? Biết đã quyết định niềm tin thanh tịnh, gọi là không hư hoại.

Hỏi: Làm sao biết được niềm tin không hư hoại?

Đáp: Trong bốn Thánh đế.

Hỏi: Vì sao vô lậu không làm hư hoại niềm tin?

Đáp: Vì quyết định nên thật trí kia cùng phát sinh với niềm tin vô lậu và giới quyết định. Lòng tin hữu lậu thì có thể gây trở ngại, quở trách, không tin giữ giới, phá giới, quở trách gây chướng ngại, còn vô lậu thì không sinh, chướng ngại, quở trách. Vì vậy, nhất định vô lậu không làm hư hoại niềm tin, ấy là khác nhau.

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

*Sơ thiên nếu có thiện
Phải biết vui hiện pháp
Là được trí sinh tử
Đó gọi là tri kiến.*

Nếu Sơ thiên có thiện, phải biết là vui hiện pháp, nghĩa là trụ vào tịnh và vô lậu, vui hiện pháp của Sơ thiên, đấy gọi là tu định được vui hiện pháp.

Nghĩa là được trí sinh tử, gọi là tri kiến. Tức sinh tử trí thông, gọi

là tu định được tri kiến.

*Tuệ phân biệt nên biết
Phương tiện sinh công đức
Kim Cương dụ, bốn thiên
Đó gọi là lậu tận.*

Tuệ phân biệt, nên biết phương tiện sinh ra công đức: Nghĩa là tất cả phương tiện sinh ra công đức, cho đến cõi Dục, có công đức giáo giới, văn, tư, tu, trong ba cõi tùy sở hữu. Nếu hữu vi, vô lậu, thì tất cả pháp đó đều được gọi là tu định được phân biệt tuệ.

Tứ thiên, Kim Cương dụ gọi là lậu tận, nghĩa là định Kim Cương dụ là tâm học sau cùng, Tâm đó cùng tương ứng chung với quyển thuộc. Vì lậu của Tứ thiên đã dứt hết, nên nói là tu định. Đây là Đức Thế Tôn tự nói lên công đức của mình. Khi còn là Bồ tát ngồi dưới bóng cây ở cõi Diêm-phù-đề chứng chánh thọ Sơ thiên an trú trong niềm vui thấy pháp. Mười một khởi phiền não, thiên nhãn, trí kiến thanh tịnh. Như kinh Diệt-kỳ-la nói: Biết thọ phát sinh như vậy, v.v..., tuệ sai biệt, nương thiên thứ tư của đạo Chánh chân Vô thượng, chứng lậu tận.

Hỏi: Như ý túc có tự tánh gì?

Đáp:

*Các pháp thiện, hữu vi
Phương tiện sanh khởi lên
Phật nói như ý túc
Đó cũng nói chánh thiện.*

Các pháp thiện, hữu vi, từ phương tiện khởi lên, Phật nói như ý túc: Nghĩa là nếu pháp khởi lên từ phương tiện. Đã nói tất cả pháp đó đều là đồ dựng như ý, vì thế nên gọi là như ý túc. Tâm mình tự tại, khởi các thứ công đức, thành tựu đầy đủ như ý, nên gọi là như ý túc. Đủ chỉ, đủ nhân là một nghĩa. Sao gọi là Tam-muội? Đó là sự khác nhau của bốn tầng thượng. Như dục tầng thượng phát sinh tam muội gọi là dục Tam-muội. Như vậy, tinh tiến tâm tầng thượng phát sinh gọi là tam muội lựa chọn. Vì đầu tiên khởi lên ham muốn nên là dục tầng thượng. Ham muốn đã sinh, thì ham muốn đạt cho được điều mình mong cầu, càng tinh tiến quyết định tầng thượng. Khởi tinh tiến rồi, không xả tinh tiến, tâm tùy thuận hưởng đến gọi là tâm định. Đạo lý của Dục, Tinh tiến, Tâm này hiện ra, như ý túc đã rất ráo có đủ trong thân, nên gọi là Tuệ tam muội. Nếu không lựa chọn, ngoài một tâm này thì tất cả đều thành tựu. Sự sinh khởi trong tất cả tâm, là sự khác nhau của phương tiện. Vì sự sinh đó được lớn mạnh thêm, nên nói là công đức khác. Công

đức đó cũng được gọi là chính thức đốt cháy (Chánh thiêu).

Công đức đã nói như vậy cũng gọi là chính thức đốt cháy, nghĩa là căn cứ vào đạo lý có khả năng đốt cháy cỏ phiền não, nên gọi là chính thức đốt cháy ngay. Hoặc do khả năng dứt trừ phiền não, nên gọi là chánh đoạn. Vì nhập Chánh quyết định, nên gọi là chánh thắng. Vì đã xả bỏ lỗi lầm xấu ác, công đức phát sinh, giữ gìn tăng trưởng, cố gắng siêng năng gọi là tinh tiến chánh thắng. Vì sự khác nhau của bốn thứ nghiệp đó, nên trong một tâm kiến lập, tinh tiến có thể làm thành bốn nghiệp: Phiền não trong hiện tại được dứt, vị lai không còn phát sinh, chấp nhận sự thọ sinh đối với pháp thiện, sinh rồi thì tiếp nối, không mất sức phương tiện. Đó cũng là sự khác nhau của bốn chủng loại.

*Chánh thắng là Niệm xứ
Cũng là bốn Thánh chủng
Tùy thế lược phát sinh
Do tên kia, nói kia.*

Chánh thắng cũng gọi là niệm xứ, cũng gọi là bốn Thánh chủng: Trước đã nói công đức của chánh thắng, còn Niệm xứ, như Tu-đa-la nói: Trong ngoài của thân, thọ, tâm, pháp đều có cộng tướng và tự tướng nên gọi là niệm xứ. Bốn thứ duyên kia khác nhau, hết thấy những duyên đó đều có giới hạn khác nhau. Thân niệm xứ duyên với thân, không phải pháp khác. Cũng vậy, thọ niệm xứ gọi là thọ niệm xứ, không phải tâm niệm xứ khác. Nói tâm niệm xứ không phải pháp niệm xứ khác. Hai thứ duyên với pháp khác, là tưởng ấm, hành ấm duyên với hữu vi và duyên với hoại, do thân thọ nên thân tâm thọ.

Như vậy, v.v... cho đến duyên với tất cả pháp.

Hỏi: Thế nào là Thánh chủng?

Đáp: Thánh chủng cũng như vậy. Công đức đã nói kia cũng gọi là bậc Thánh chủng. Vì bậc Thánh lấy công đức này làm chủng (hạt giống) nên gọi là Thánh chủng. Vì tự tánh của pháp này là hạt giống Thánh, nên nói là Thánh chủng. Vì sinh trong chủng loại của Thánh này, nên gọi là Thánh chủng. Vì đối trị với bốn thứ thọ sinh, nên gọi là bốn sự khác nhau. Vì nhân y phục nên thọ sinh. Nói rộng, có bốn thứ như Tu-đa-la đã nói.

Hỏi: Tại sao cho công đức này là như ý túc, cho đến bốn chánh đoạn, v.v...?

Đáp: Tùy thuộc vào thế lực của chúng phát sinh, mà đặt tên nói theo nghĩa của chúng. Pháp này, do sức của định phát sinh, nên gọi là như ý túc, do sức tinh tiến sinh khởi, nên gọi là chánh đoạn, do sự nhớ

ngã mà tăng thượng sinh, nên gọi là niệm xứ. Vì biết tăng thượng sinh, nên gọi là Thánh chủng.

Đã nói trợ Bồ-đề phần, nay sẽ nói cộng tướng và tự tướng của nó.

Tịnh tín, tinh tiến, niệm

Trí tuệ và ý, hỷ

Phần giác cùng với xả

Tư giới Tam-ma-đê.

Như ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần do Phật nói, nghĩa là tên của pháp phần Bồ-đề có ba mươi bảy, việc thì có mười, trong số đó, tín, v.v... như trong bài kệ đã kết tập, thì tín căn, tín lực gọi là tín. Chánh đoạn, tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến giác chi, chánh tinh tiến, đó là tinh tiến. Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, chánh niệm, gọi là bốn niệm xứ. Tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, các pháp này đều gọi là Tuệ. Nối mừng, ý (khinh an), xả giác chi, chánh tư duy giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, chánh định, tám chi là định chi.

Hỏi: Vì sao phải nói nhiều thứ như vậy?

Đáp:

Xứ, phương tiện, nhất tâm

Độn và lợi cũng vậy

Kiến đạo cũng tu đạo

Nên nói ba mươi bảy.

Xứ là chỗ duyên chân chánh, nên gọi là niệm xứ. Phương tiện là chánh phương tiện, gọi là chánh đoạn. Nhất tâm là trụ xứ trong một tâm, nên gọi là như ý túc. Căn cơ yếu kém thấy nối tiếp nhau gọi là căn. Sự việc nhạy bén cũng là căn. Căn cơ nhạy bén thấy nối tiếp nhau nên gọi là lực. Nghĩa tăng thượng trong lực đó là nghĩa căn. Các thứ khác không thể xâm lấn gọi là lực. Kiến đạo được thấy, nên gọi là Đạo phần. Tu đạo thấy nên gọi là giác chi. Nói ba mươi bảy, vì mười pháp này có sự khác nhau của mỗi nghiệp như vậy, nên Phật nói ba mươi bảy, trong đó chi giác hoàn toàn là vô lậu, số còn lại là hữu lậu, vô lậu.

Hỏi: Sao phẩm đạo là hữu lậu, Bồ-đề là vô lậu?

Đáp: Vì là đồ dựng Bồ-đề, quyến thuộc của Bồ-đề, nên gọi là Bồ-đề phần. Như vậy, vì Bồ-đề phần này cách xa tức là hữu lậu, vì thuận theo Bồ-đề, gọi là Bồ-đề phần, nên không có lỗi.

Nhị thiên ba mươi sáu

Vị lai thiên cũng vậy

Tam, Tứ, Trung gian thiên

Thầy đều ba mươi lăm.

Nhị thiên ba mươi sáu nghĩa là trừ sự suy nghĩ. Vì sao? Vì địa này không có giác quán. Thiên vị lai cũng vậy, nghĩa là cũng ba mươi sáu, trừ hỷ giác chi. Vì sao? Vì chưa thành tựu, nên không có giới hỷ như đã nói ở trước.

Ba, bốn và trung gian, tất cả ba mươi lăm, nghĩa là Tứ thiên, Tam thiên, thiên trung gian là ba mươi lăm: trừ hỷ, trừ chánh tư duy.

Sơ thiên nói tất cả

Ba không, ba mươi hai

Hữu danh hai mươi hai

Cõi Dục cũng như vậy.

Sơ thiên nói tất cả, nghĩa là tất cả trong Sơ thiên, có ba mươi bảy. Ba không, có ba mươi hai là trừ hỷ, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Hữu danh có hai mươi hai, nghĩa là tất cả không có giác chi, đạo chi, nên có hai mươi hai. Tùy theo giác chi của xứ nào mà kể nói đạo phần, trong đó phải biết hữu lậu, vô lậu.

Cõi Dục cũng như vậy: Cõi Dục cũng có hai mươi hai, hoàn toàn là hữu lậu. Hai xứ này hoàn toàn là hữu lậu.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào? Tính nào?

Đáp:

Đoàn thực trong các ăn

Cõi Dục nói ba nhập

Ăn bằng thức, tư, xúc

Ăn này gọi hữu lậu.

Cách ăn vốc trong các cách ăn, cõi Dục nói có ba nhập, nghĩa là cách ăn vốc là ba nhập: Hương, vị, xúc của cõi Dục.

Sự có mười ba, mười một việc là xúc. Bốn đại, bảy chủng tạo sắc, đó là nhám, trơn, nặng, nhẹ, lạnh, đói khát và hương vị.

Hỏi: Vì sao sắc, thanh không phải thức ăn?

Đáp: Vì sự thấy, nghe không tăng trưởng. Căn đầy đủ, là nghĩa giúp, ích lớn, là nghĩa ăn. Hoặc thấy, hoặc nghe, với sức phân biệt giả dối cho nên phát sinh, cảm nhận niềm vui, tiếp xúc sinh nổi mừng. Nổi mừng đó không thể thấm nhuần, giúp ích cho căn đại. Thế nên, xúc là thức ăn có khả năng làm lợi ích, không phải sắc, thanh. Hương vị, lia sự phân biệt cũng có khả năng giúp ích cho thân. Thức ăn bằng thức và tư duy xúc là thức ăn. Nói hữu lậu nghĩa là sự nhận thức, sự suy nghĩ, sự tiếp xúc là hữu lậu. Hữu lậu đó giữ lấy sự sinh, ràng buộc nối tiếp nhau,

có khả năng lôi kéo hữu nên gọi là ăn. Xúc vô lậu, v.v... dù có tạo lợi ích cho các căn đại, nhưng vì nó không thể lôi cuốn hữu, nên dứt trừ hữu, không phải ăn. Vì có ba việc, nên gọi là ăn. Khả năng dẫn dắt đến hữu sau, dẫn dắt rồi, lại dẫn dắt nữa, nhiếp giữ thân mình nên gọi là ăn. Ý, sự suy nghĩ, thức, dẫn dắt đến hữu ở vị lai. Ăn vóc, ăn bằng sự tiếp xúc khi đã sinh rồi, thì các hữu nhiếp giữ. Lại nữa, tất cả các cách ăn đều có công năng lôi kéo hữu và đều nhiếp giữ các căn.

Hỏi: Các tam-muội trước đây đã nói. Tam-muội là gì? Có mấy thứ chuyển?

Đáp:

*Vô nguyện có mười hành
Không: hai hành, nên biết
Bốn hành nói Vô tướng
Đó gọi là hạnh Thánh.*

Vô nguyện có mười hành, nghĩa là Tam muội Vô nguyện nói chung có mười hành. Vì duyên với ba đế, nên mười hành chuyển. Hai hành là vô thường và khổ trong khổ. Bốn hành trong tập như trước đã nói, bốn hành trong đạo, cũng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao không duyên với diệt?

Đáp: Vì không nguyện cầu, nên gọi là vô nguyện, nghĩa là không ưa sự mong cầu.

Không mong muốn những gì? Là khổ, nhân của khổ dứt hết thì là không, thế nên nhân của khổ kia cũng xả. Nhân khổ kia do tu đạo dứt hết, nên duyên với đạo, vì thế, đạo này nhất định duyên với đạo nhân khổ, chứ không duyên với diệt.

Hoặc lại nói, vì không nguyện đối với hữu vi nên duyên với ba đế. Tu đạo trong đây như uống thuốc đắng. Như vậy, biết Không có hai hành, nên biết là đối trị gần với thân kiến. Tam-muội Không gồm có hai hành, đó là: không và vô ngã. Thân kiến chấp lấy hành kiến của ngã và ngã sở. Vì đối trị với ngã, nên nói hành vô ngã, để đối trị với ngã sở, nên nói hành không, ví như pháp kia không có ngã nên nói là vô ngã.

Bốn hành gọi là vô tướng: Nghĩa là tam-muội Vô tướng, diệt mất sự chuyển biến của bốn hành, trừ hành của hữu vi. Nhưng duyên với pháp hành nói vô tướng là, trong đây nhằm chỉ bày môn giải thoát, nên chỉ hoàn toàn là tam-muội vô lậu.

Hỏi: Làm sao dứt trừ điên đảo? Tự tánh của điên đảo là gì?

Đáp:

Nói bốn điên đảo kia

*Nên biết, thấy khổ dứt
Đối với kiến tăng thượng
Người thấy thật phế lập.*

Nói bốn thứ điên đảo kia, phải biết là do thấy khổ dứt, nghĩa là tất cả bốn thứ điên đảo đều nương vào khổ mà chuyển. Vì vậy, do thấy khổ mà dứt. Đã nói trong ba cái thấy đối với điên đảo là tăng thượng thấy nghĩa là bốn thứ điên đảo này trong ba cái thấy thì một phần ít là thấy tự tánh. Trải qua trong đó vì tâm tưởng vẫn đục, nên gọi là tâm tưởng điên đảo. Thấy thật ra là phế bỏ hoặc kiến lập, sao nói là trong cái thấy tăng thượng? Vì nếu được sức tăng thượng như vậy, sẽ kiến lập sự điên đảo. Như ngã kiến điên đảo, không phải ngã sơ kiến. Như vậy, điên đảo Thường kiến của Biên kiến, không phải Đoạn kiến; kiến thủ là sự điên đảo của Tịnh, Lạc kiến.

Hỏi: Tăng thượng cái gì?

Đáp: Kiến lập một hướng điên đảo, nên điên đảo. Vì tưởng như vậy, nên không phải tất cả kiến đều là điên đảo. Tà kiến, đoạn kiến tuy hoàn toàn điên đảo, nhưng việc hư hoại lại được chuyển để kiến lập giới thủ. Theo kiến lập không phải một hướng điên đảo, chỉ nhận lấy một ít tịnh, một ít sự tốt đẹp, chứ chẳng phải thắng kiến, thắng thủ! Sức của ngã kiến kiến lập ngã sở, do vậy, chấp ngã sở thì không lập điên đảo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến chấp, như sáu mươi hai kiến, chúng thuộc về kiến nào?

Đáp: Thuộc về năm kiến.

Hỏi: Nghĩa thế nào?

Đáp:

*Phỉ báng sự chân thật
Kiến này là tà kiến
Không phải thật, mà lập
Hai kiến và trí này.*

Phỉ báng sự chân thật, kiến này là tà kiến, nghĩa là nếu chấp hoặc chê bai sự chân thật có nghĩa, nói là không có gì, như nói không có sự bố thí v.v... đó là tà kiến.

Không phải sự thật mà kiến lập, hai kiến và trí này, nghĩa là đối với ấm chẳng thật là ngã sở mà kiến lập thân kiến, chẳng phải lạc, tịnh chân thật mà kiến lập kiến thủ. Hoặc những kiến lập chẳng phải thật khác, như thoáng thấy gốc cây khô mà nghĩ là người đứng, đó là tà trí, chẳng phải tà kiến.

*Lại giới oai nghi thủ
 Chẳng phải nhân, chấp nhân Nếu nhận lấy
 biên kiến
 Nương Thường kiến, Đoạn kiến*

Lại giới oai nghi thủ, không phải nhân mà chấp là nhân: Nghĩa là có người chấp giới bò, v.v... cho đó là nhân để được sanh lên cõi trời Tự Tại, sanh thiên; Trôi lăn trong thế gian là giải thoát.

Nếu nhận lấy biên kiến, là dựa vào chấp thường, chấp đoạn, nghĩa là nếu chấp các hành là thường, đấy gọi là thường kiến, vì như nói thường, người đó không biết được sự liên tục của nhân, quả. Thế nên, kiến lập tướng đoạn trong sự việc, đấy gọi là đoạn kiến. Hai kiến chấp này, gọi là thọ biên kiến. Ngoài hai kiến chấp ấy, không còn kiến chấp nào khác. Vì vậy, nên tất cả kiến chấp đều xếp vào kiến này, nên biết.

Hỏi: Kiến ấy, kiến nào dứt và kiến nào không dứt? Đáp:

*Phỉ báng mà kiến lập Nhân kiến dựa hai
 biên Tùy theo việc này chuyển Nếu thấy
 khổ thì dứt.*

Phỉ báng là tà kiến như đã nói. Nếu tà kiến kia phỉ báng khổ, thì tà kiến đó gọi là thấy khổ dứt, như vậy, tập, v.v... kiến lập sự không thật để nói về hai kiến chấp: Thân kiến kia là từ khổ kiến lập, do thấy khổ mà dứt, còn kiến thủ do thấy khổ dứt vui, v.v... mà kiến lập, cho nên cũng thấy khổ dứt, nên biết.

Như vậy, giới thủ, thấy tập mà dứt, v.v..., nếu dựa vào sự chuyển biến của hữu lậu, thì giới thủ đó do thấy khổ mà dứt. Nếu căn cứ theo vô lậu chuyển thì giới thủ ấy sẽ do thấy đạo mà dứt, nên biết! Đoạn kiến, thường kiến dựa vào khổ mà chuyển, nên thấy khổ mà dứt.

* * * * *